

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2019
(Đợt 1 – Tháng 6/2019)

Trường Đại học Tôn Đức Thắng thông báo tuyển sinh 18 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ với các thông tin như sau:

1. CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO:

STT	Chuyên ngành	Mã CN	Môn thi			Chỉ tiêu	
			Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ		
1.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	8140111	Ngôn ngữ học	Phương pháp giảng dạy	Nga văn/ Pháp văn/ Đức văn/ Trung văn/ Nhật văn	20	
2.	Mỹ thuật ứng dụng	8210410	Phát triển ý tưởng thiết kế	Nghị luận thiết kế	Anh văn (Nghe, Nói, Đọc, Viết)	20	
3.	Quản trị kinh doanh	8340101	Toán kinh tế	Nguyên lý quản trị		50	
4.	Tài chính – Ngân hàng	8340201	Toán cao cấp + Xác suất thống kê	Tiền tệ và thị trường tài chính		30	
5.	Kế toán	8340301	Toán cao cấp + Xác suất thống kê	Kế toán		20	
6.	Toán ứng dụng	8460112	Giải tích hàm nhiều biến Đại số tuyến tính	Giải tích hàm Giải tích số		20	
7.	Kỹ thuật hóa học	8520301	Toán cao cấp	Hóa lý		20	
8.	Kỹ thuật môi trường	8520320		Cơ sở kỹ thuật môi trường		20	
9.	Kỹ thuật xây dựng	8580201		Sức bền vật liệu		20	
10.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh)	8580205	Các phương pháp định lượng	Quy hoạch giao thông đô thị	Anh văn (trình độ TOEIC từ 600 điểm trở lên)	20	
11.	Bảo hộ lao động	8900103	Toán cao cấp	Cơ sở khoa học bảo hộ lao động	Anh văn (Nghe, Nói, Đọc, Viết)	20	
12.	Xã hội học	8310301	Xét tuyển			30	
13.	Luật kinh tế	8380107				30	
14.	Khoa học máy tính	8480101				20	
15.	Kỹ thuật điện	8520201				20	
16.	Kỹ thuật viễn thông	8520208				20	
17.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216				20	
18.	Quản lý thể dục thể thao	8810301				20	

2. THỜI GIAN TUYỂN SINH (dự kiến): 01, 02/6/2019

3. HÌNH THỨC TUYỂN SINH:

3.1. Xét tuyển:

- Thí sinh là người nước ngoài có bằng tốt nghiệp đại học;

– Thí sinh tốt nghiệp đại học chính qui tập trung do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp hoặc thí sinh Việt Nam có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại hình đào tạo chính qui tập trung do các trường đại học công lập trong nước cấp trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét tuyển và đáp ứng điều kiện về Ngoại ngữ:

+ Đối với chuyên ngành **Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh**: có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: TRKI 1 (tiếng Nga), DELF B1/TCF niveau B1 (tiếng Pháp), B1 ZD (tiếng Đức), HSK cấp độ 3 (tiếng Trung), JLPT N4 (tiếng Nhật) còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

+ Đối với các chuyên ngành có số thứ tự từ 2 đến 11: có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: IELTS 4.5, TOEFL iBT 45, TOEIC 500, PET 140 còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển;

– Thí sinh tốt nghiệp đại học (các chuyên ngành có số thứ tự từ 12 đến 18):

+ Điều kiện về văn bằng: đáp ứng điều kiện ở mục 4.1;

+ Điều kiện về ngoại ngữ: đáp ứng điều kiện ở mục 4.2;

+ Điều kiện về thâm niên công tác: đáp ứng điều kiện ở mục 4.3.

3.2. Thi tuyển (các chuyên ngành có số thứ tự từ 1 đến 11):

– Áp dụng cho tất cả các đối tượng khác đã tốt nghiệp đại học

– Môn thi:

+ Môn cơ bản, cơ sở: thời gian làm bài tối đa 180 phút, hình thức thi: tự luận hoặc trắc nghiệm;

+ Môn Anh văn:

✓ Bài thi Nghe-Đọc-Viết: thời gian làm bài tối đa 120 phút, hình thức thi: trắc nghiệm và tự luận;

✓ Bài thi Nói: thời gian tối đa 10 phút.

4. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

4.1. Về văn bằng (theo danh mục đính kèm):

– Tốt nghiệp đại học ~~đúng ngành hoặc phù hợp với ngành~~, chuyên ngành đăng ký dự tuyển (không phân biệt loại hình đào tạo, cơ sở đào tạo, hạng tốt nghiệp);

– Tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức theo qui định;

– Trường hợp có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đúng ngành hoặc ngành phù hợp vẫn được dự tuyển nhưng phải có bằng tốt nghiệp trước khi được công nhận trúng tuyển.

4.2. Điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ:

– Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được cấp bởi cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (ngôn ngữ sử dụng chính trong quá trình học tập phải là tiếng Anh) và cơ sở giáo dục (hoặc văn bằng của cơ sở giáo dục) này: nằm trong danh mục các cơ sở giáo dục, văn bằng đại học được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận; hoặc trong danh mục các cơ sở giáo dục đại học mà giữa quốc gia họ với Việt Nam có Nghị định thư hoặc một hình thức văn bản cấp quốc gia công nhận; hoặc là cơ sở giáo dục đại học trong TOP 1.000 thế giới theo THE, QS; hoặc bằng tốt nghiệp từ những chương trình liên kết đào tạo đã được Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam có văn bản đồng ý, cho phép thực hiện...;

– Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh; tiếng Nga; tiếng Pháp; tiếng Đức; Tiếng Trung; Tiếng Nhật không qua phiên dịch;

– Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ: tiếng Anh; tiếng Nga; tiếng Pháp; tiếng Đức; Tiếng Trung; Tiếng Nhật;

– Có chứng chỉ Anh văn/ Nga văn/ Pháp văn/ Đức văn/ Trung văn/ Nhật văn tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT cho phép cấp chứng chỉ (trình độ B1); hoặc có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: IELTS 4.5, TOEFL iBT 45, TOEIC 500, PET 140 (Không áp dụng cho các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh và chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh); hoặc có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: TRKI 1 (tiếng Nga), DELF B1/TCF niveau B1 (tiếng Pháp), B1 ZD (tiếng Đức), HSK cấp độ 3 (tiếng Trung), JLPT N4 (tiếng Nhật) còn thời hạn 02 năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.3. Về thâm niên công tác:

– Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh (trừ bằng tốt nghiệp đại học do TDTU cấp) loại **Khá trở lên** thuộc đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành Quản trị kinh doanh được đăng ký dự tuyển **ngay sau khi tốt nghiệp**. Những trường hợp còn lại yêu cầu phải có ít nhất **01** năm kinh nghiệm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự tuyển.

– Tốt nghiệp đại học **đúng ngành hoặc ngành phù hợp** với ngành hoặc chuyên ngành đăng ký dự tuyển (trừ chuyên ngành Quản trị kinh doanh) **được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp**.

– Tốt nghiệp đại học **ngành gần, ngành khác** phải có kinh nghiệm từ 1 – 2 năm trong lĩnh vực liên quan (được qui định trong danh mục đính kèm).

4.4. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

– Đối tượng ưu tiên:

+ Người có thời gian công tác liên tục từ **02** năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được qui định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học loại hình chính qui, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên loại hình chính qui. Trong trường hợp này, thí sinh phải xuất trình quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (*);

+ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

+ Con liệt sĩ;

+ Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

+ Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được qui định tại mục (*) ở trên;

+ Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

– Mức ưu tiên:

+ Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên qui định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 (mười) điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo qui định; và cộng 1 (một) điểm (thang điểm 10) cho 1 (một) trong 2 (hai) môn thi môn thi cơ bản và cơ sở.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp được hưởng chế độ ưu tiên khi đăng ký dự thi và nhập học chính thức theo các qui định liên quan của Nhà trường.

5. PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ DỰ TUYỂN:

– Đăng ký dự tuyển trực tuyến: <http://tuyensinhsaudaihoc.tdtu.edu.vn>

– Phát hành và nhận hồ sơ dự tuyển: hạn chót **ngày 03/5/2019**;

– Lệ phí xét tuyển: **450.000 đồng**;

Lệ phí thi tuyển: **750.000 đồng** (áp dụng cho tất cả trường hợp dự thi: 01 môn ngoại ngữ hoặc 02 môn cơ sở và cơ bản hoặc 03 môn cơ sở, cơ bản và ngoại ngữ).

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

– Tổng thời lượng: 18 – 24 tháng (12 – 18 tháng học các học phần và 06 tháng thực hiện luận văn thạc sĩ);

– Dự kiến thời gian đào tạo: Từ tháng 7/2019 – tháng 7/2021;

– Lịch học dự kiến: Các buổi tối trong tuần hoặc ngày Thứ 7 và Chủ nhật.

7. TỔ CHỨC CÁC LỚP ÔN THI:

– Đăng ký ôn thi: từ ngày ra thông báo đến **hết ngày 29/3/2019**

– Khai giảng (dự kiến): **05/4/2019**

– Lịch học: tối Thứ 6, ngày Thứ 7 và ngày Chủ nhật

– Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại TP.HCM, Nha Trang, Bảo Lộc, Cà Mau và cơ sở liên kết tại các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Vũng Tàu, Gia Lai, Đà Lạt, Bình Dương, Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang.

8. **CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG:** dành cho đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học do Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp, tốt nghiệp đại học xếp loại giỏi các trường công lập trong cả nước, **giáo viên đang công tác tại các trường phổ thông các tỉnh.**



Mọi thông tin vui lòng liên hệ các văn phòng tư vấn tuyển sinh:

Phòng đại học, Trường Đại học Tôn Đức Thắng (Phòng A.305, Nhà A)

Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7

Lịch tiếp học viên từ **thứ hai đến thứ bảy**: Sáng từ 7h30 – 11h30, chiều 13h00 – 17h00.

Điện thoại: **(028) 3775 5059. Hotline: 0944 314 466.**

Email: tssdh@tdtu.edu.vn. Website: <http://grad.tdtu.edu.vn>

Lâm Đồng:

TP. Bảo Lộc: Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Đường Nguyễn Tuấn, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: (0263) 3922 888 – 3967 888

Email: cosobaoloc@tdtu.edu.vn. Website: <http://baoloc.tdtu.edu.vn>

TP. Đà Lạt: Trường cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Lâm Đồng

39 Trần Phú, Phường 3, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Khánh Hòa: Phân hiệu Nha Trang, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

22 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (0258) 3837 485

Email: phanhieunhatrang@tdtu.edu.vn. Website: <http://nhatrang.tdtu.edu.vn>

Cà Mau:

Đại học Tôn Đức Thắng

Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3590 924

Email: cosocamau@tdtu.edu.vn. Website: <http://camau.tdtu.edu.vn>

Quảng Ngãi: Trường cao đẳng Quảng Ngãi

Km 1051+400QL1A, P. Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Bình Định: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp công đoàn Bình Định

168 Nguyễn Thị Định, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Gia Lai: Trường cao đẳng sư phạm Gia Lai

126 Lê Thánh Tôn, P. IAKring, TP. Pleiku, Gia Lai

Phú Yên: Trường đại học Phú Yên

18 Trần Phú, phường 7, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Bình Thuận: Trường cao đẳng cộng đồng Bình Thuận

38 Nguyễn Hội, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Vũng Tàu: Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật công đoàn Bà Rịa – Vũng Tàu

1A Nguyễn Trường Tộ, Phường 3, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu

Bình Dương: Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật công đoàn Bình Dương

Đường N2, Cụm sx An Thạnh, P. An Thạnh, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Tiền Giang: Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Tiền Giang

07 Hùng Vương, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Trường Đại học Tiền Giang

119 Ấp Bắc, Phường 5, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Kiên Giang: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang

425 Mạc Cửu, Phường Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- Liên Đoàn lao động các tỉnh, TP.HCM;
- Các sở ban ngành, doanh nghiệp TP.HCM và các tỉnh phía Nam;
- Các tập đoàn điện lực, viễn thông, cao su, dầu khí, ... trong cả nước;
- Các trường THPT, TCCN, CD và ĐH đóng trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh phía Nam;
- Sinh viên tốt nghiệp Trường ĐH Tôn Đức Thắng tất cả các khóa;
- Thông báo trên website tuyển sinh Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Phòng SĐH, Khoa quản lý;
- Lưu P.TCHC và P.SĐH.





TỔNG BIÊN LAO ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC

STT	Tên chuyên ngành đào tạo	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần/ngành khác	Các môn học bổ sung kiến thức
1.	LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH (8140111)	- Ngôn ngữ Anh		
2.	MỸ THUẬT ỨNG DỤNG (8210410)	- Mỹ thuật ứng dụng; - Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng; - Thiết kế công nghiệp; - Thiết kế đồ họa; - Thiết kế thời trang; - Thiết kế mỹ thuật SK-ĐA.	- Lý luận và lịch sử mỹ thuật; - Mỹ thuật tạo hình; - Hội họa; - Đồ họa; - Điều khiển; - Gốm; - ...	- Tư duy thiết kế (30 tiết); - Thiết kế ứng dụng (30 tiết).
3.	XÃ HỘI HỌC (8310301)	- Xã hội học; - Nhân học; - Dân tộc học; - Phát triển bền vững; - Phát triển con người; - Quyền con người.	- Công tác xã hội; - Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; - Thống kê kinh doanh; Toán kinh tế; - Quản lý kinh tế; - Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Hồ Chí Minh học; - Quan hệ quốc tế; - Giáo dục học; Tâm lý học; - Địa lý học; - Quốc tế học; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.	- Xã hội học đại cương (30 tiết); - Lý thuyết xã hội học (30 tiết); - PP nghiên cứu XHH (30 tiết).
			Tội nghiệp đại học không đúng ngành Xã hội học (không thuộc đối tượng 1 và đối tượng 2), có thâm niên công tác ít nhất từ 02 năm trở lên tại các cơ quan có chức năng giải quyết các vấn đề về xã hội	- Xã hội học đại cương (30 tiết); - Lý thuyết xã hội học (30 tiết); - Tin học chuyên ngành (30 tiết); - PP nghiên cứu định lượng (30 tiết); - PP nghiên cứu định tính (30 tiết); - Xử lý dữ liệu định tính (30 tiết).

4.	QUẢN TRỊ KINH DOANH (8340101)	– Quản trị kinh doanh; – Kinh doanh thương mại.	– Tài chính – Ngân hàng; – Bảo hiểm; – Kế toán; – Khoa học quản lý; – Chính sách công; – Quản lý công; – Quản trị nhân lực; – Hệ thống thông tin quản lý; – Quản trị văn phòng; – Quản lý khoa học và công nghệ; – Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; – Quản lý công nghiệp; – Quản lý năng lượng; – Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. – Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học tín chỉ hoặc tín chỉ).	– Kinh tế vi mô (45 tiết); – Kinh tế vĩ mô (45 tiết); – Nguyên lý quản trị (45 tiết); – Nguyên lý Marketing (45 tiết); – Nguyên lý kế toán (45 tiết); – Tiền tệ và thị trường tài chính (45 tiết); – Thống kê trong KD và kinh tế (45 tiết); – Luật công ty (30 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
		– Các ngành khoa học sự sống; – Các ngành sinh học ứng dụng; – Các ngành khoa học tự nhiên; – Các ngành toán và thống kê; – Các ngành kỹ thuật; – Các ngành sản xuất và chế biến; – Các ngành kiến trúc và xây dựng; – Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; – Các ngành sức khỏe; – Ngôn ngữ Anh; – Ngôn ngữ Pháp; – Ngôn ngữ Trung Quốc; – Ngôn ngữ Đức; – Ngôn ngữ Nhật; – Ngôn ngữ Hàn Quốc. <i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị.	– Toán kinh tế (45 tiết); – Xác suất thống kê (45 tiết); – Kinh tế vi mô (45 tiết); – Kinh tế vĩ mô (45 tiết); – Nguyên lý quản trị (45 tiết); – Nguyên lý Marketing (45 tiết); – Nguyên lý kế toán (45 tiết); – Tiền tệ và thị trường tài chính (45 tiết); – Thống kê trong KD và kinh tế (45 tiết); – Luật công ty (30 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.	

5.	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (8340201)	- Tài chính – Ngân hàng; - Ngân hàng; - Tài chính; - Tài chính quốc tế; - Tài chính doanh nghiệp; - Phân tích và đầu tư tài chính; - Đầu tư; - Đầu tư quốc tế; - Đầu tư chứng khoán; - Bảo hiểm; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Kế toán – Kiểm toán; - Kinh doanh thương mại; - Quản trị kinh doanh; - Kinh tế đối ngoại; - Kinh doanh; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). Yêu cầu: có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	- Tiền tệ và thị trường tài chính (30 tiết); - Tài chính doanh nghiệp (30 tiết). Cần cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
			- Công nghệ thông tin: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Quản lý công nghệ thông tin, Quản lý Hệ thống thông tin; - Quản lý công nghiệp: Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Yêu cầu: có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	- Tiền tệ và thị trường tài chính (30 tiết); - Tài chính doanh nghiệp (30 tiết); - Nguyên lý kế toán (30 tiết); - Ngân hàng thương mại (30 tiết); - Kinh tế vĩ mô (30 tiết); - Kinh tế vi mô (30 tiết). Cần cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
6.	KẾ TOÁN (8340301)	- Kế toán; - Kế toán – Kiểm toán; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kế toán của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Tài chính – Ngân hàng; - Bảo hiểm - Quản trị kinh doanh; - Kinh doanh thương mại; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kế toán của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). Yêu cầu: có ít nhất 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán.	- Nguyên lý kế toán (30 tiết); - Kế toán tài chính (30 tiết). Cần cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.

			- Các ngành khoa học tự nhiên; - Các ngành toán và thống kê; - Các ngành kỹ thuật; - Các ngành sản xuất và chế biến; - Các ngành kiến trúc và xây dựng; - Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; - Các ngành sức khỏe; - Ngôn ngữ: Anh, Pháp, Trung Quốc; Đức; Nhật; Hàn Quốc, .. <i>Yêu cầu:</i> có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính.	- Kinh tế vi mô (30 tiết); - Kinh tế vĩ mô (30 tiết); - Nguyên lý kế toán (30 tiết). - Kế toán tài chính (30 tiết); - Kế toán quản trị (30 tiết). Cần cử bằng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
7.	LUẬT KINH TẾ (8380107)	- Luật; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế; - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật dân sự và tố tụng dân sự; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; - Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật;		
8.	TOÁN ỨNG DỤNG (8460112)	- Toán ứng dụng: Toán tin; Toán học; - Toán giải tích; - Phương trình vi phân và tích phân; - Đại số và lý thuyết số; - Hình học và tô pô; - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; - Khoa học tính toán; - Cơ sở toán học cho tin học; - Phương pháp toán sơ cấp; - Sự phạm toán; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chi khác so với chương trình ngành Toán ứng dụng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Thống kê kinh tế; - Cơ học; - Toán kinh tế; - Vật lý học; - Khoa học máy tính; - Công nghệ thông tin; - Tin học; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chi khác so với chương trình ngành Toán ứng dụng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Đại số tuyến tính (30 tiết); - Giải tích hàm nhiều biến (30 tiết); - Phương trình vi phân thường (30 tiết); - Giải tích số (30 tiết); - Giải tích hàm (45 tiết). Cần cử bằng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.

9.	KHOA HỌC MÁY TÍNH (8480101)	- Khoa học máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Kỹ thuật máy tính.	- Công nghệ thông tin; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Tin học; - Toán – Tin học; - Toán ứng dụng; - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Khoa học máy tính của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). - Ngành khác	- Công nghệ thông tin; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Tin học; - Toán – Tin học; - Toán ứng dụng; - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Khoa học máy tính của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). - Ngành khác	- Hệ cơ sở dữ liệu (45 tiết); - Cấu trúc rời rạc (45 tiết); - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (45 tiết); - Phương pháp lập trình (45 tiết); - Nhập môn mạng máy tính (45 tiết); Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
10.	KỸ THUẬT HÓA HỌC (8520301)	- Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật vật liệu kim loại; - Kỹ thuật dệt; - Kỹ thuật môi trường; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật hóa học của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Hóa học; - Hóa vô cơ; - Hóa hữu cơ; - Hóa phân tích; - Hóa lý thuyết và hóa lý; - Hóa môi trường; - Khoa học vật liệu; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật hóa học của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Hóa học; - Hóa vô cơ; - Hóa hữu cơ; - Hóa phân tích; - Hóa lý thuyết và hóa lý; - Hóa môi trường; - Khoa học vật liệu; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật hóa học của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Quá trình cơ học (30 tiết); - Quá trình truyền nhiệt (30 tiết); - Quá trình truyền khối (30 tiết); - Hóa lý (30 tiết). Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.

11.	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (8520320)	- Kỹ thuật môi trường; - Công nghệ môi trường; - Công nghệ kỹ thuật môi trường (bằng TNĐH do Trường đại học Tôn Đức Thắng cấp); - Khoa học môi trường (bằng TNĐH do Trường đại học Tôn Đức Thắng cấp); - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	Nhóm 1: - Bảo hộ lao động; - Kỹ thuật hóa học - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu; - Kỹ thuật vật liệu; - Luyện kim và môi trường - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). Được xét học Chương trình bổ sung kiến thức ngay sau khi TNĐH. Các học phần đã có trong bằng điểm đại học không phải học bổ sung. Đối tượng có bằng TNĐH thuộc nhóm 1, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực môi trường, được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà không phải học chương trình bổ sung kiến thức. Nhóm 2: - Công nghệ sinh học; - Sinh học; - Nông nghiệp; - Lâm nghiệp; - Chế biến lương thực - thực phẩm và đồ uống; - Nuôi trồng thủy sản; - Quản lý đất đai; - Các ngành xây dựng; - Quan hệ lao động; Yêu cầu phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực môi trường, được xét học Chương trình bổ sung kiến thức. Nhóm 3: Đối tượng có bằng TNĐH không thuộc nhóm 1 và nhóm 2, đang công tác tại các cơ quan, đơn vị về lĩnh vực Kỹ thuật môi trường, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển), được tham gia dự tuyển và được xét học Chương trình bổ sung kiến thức.	- Vì sinh vật nước thải (45 tiết); - Phân tích môi trường (45 tiết); - Quá trình công nghệ môi trường (45 tiết). Căn cứ bằng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
-------------------	---	---	---	---

12.	KỸ THUẬT XÂY DỰNG (8580201)	- Kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; - Kỹ thuật xây dựng công trình biển; - Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; - Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Kinh tế xây dựng; - Quy hoạch đô thị; - Quản lý xây dựng; - Địa kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật tài nguyên nước; - Kỹ thuật cấp thoát nước; - Vật liệu xây dựng; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Sức bền vật liệu (45 tiết); - Cơ học kết cấu (45 tiết); - Kết cấu thép (45 tiết); - Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
13.	KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (8580205) Chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh	- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; - Công nghệ kỹ thuật giao thông; - Khai thác vận tải; - Kinh tế vận tải; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Quy hoạch vùng và đô thị; - Kỹ thuật công trình thủy; - Kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Kinh tế xây dựng; - Quản lý xây dựng; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường ĐH Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Các phương pháp định lượng (45 tiết); - Quy hoạch giao thông đô thị (45 tiết); - Kỹ thuật giao thông (45 tiết); - Quản lý dự án (45 tiết). - Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, xác định các môn học cần phải bổ sung kiến thức.
14.	KỸ THUẬT ĐIỆN (8520201)	- Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật điện tử; - Hệ thống radar—dẫn đường; - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật mật mã; - Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật thủy âm; - Kỹ thuật biến; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	- Quản lý năng lượng; - Quản lý công nghiệp; - Bảo hộ lao động; - Kinh tế công nghiệp; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Tự động hóa sản xuất; - Tin học công nghiệp (PFIEV); - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ thông tin; - Cơ khí nhiệt;	- Cung cấp điện (45 tiết); - Nhà máy điện và trạm biến áp (45 tiết). <i>Ghi chú:</i> Đây là 02 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNDH, nếu không có phải học bổ sung.

		- Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Sự phạm kỹ thuật (các chuyên ngành liên quan). - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện của Trường ĐHTôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).		
15.	KỸ THUẬT VIỄN THÔNG (8520208)	- Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử; Hệ thống radar–dẫn đường; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật mật mã; Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật thủy âm; - Kỹ thuật biển; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	- Kỹ thuật máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Hệ thống thông tin; - Công nghệ thông tin; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật viễn thông của Trường ĐHTôn Đức Thắng dưới 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Truyền thông tương tự và số (45 tiết); - Xử lý số tín hiệu (45 tiết); - Mạng truyền số liệu (45 tiết). Ghi chú: Đây là 03 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật viễn thông, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNDH, nếu không có phải học bổ sung.
16.	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (8520216)	- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật điện tử; - Hệ thống radar–dẫn đường; - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật mật mã; - Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật thủy âm; - Kỹ thuật biển. - Kỹ thuật cơ điện tử;	- Cơ kỹ thuật; - Kỹ thuật cơ khí; - Kỹ thuật nhiệt; - Kỹ thuật cơ khí động lực; - Kỹ thuật công nghiệp; - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa của Trường ĐHTôn Đức Thắng từ 10% – 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ).	- Lý thuyết điều khiển tự động 1 (45 tiết) - Vi điều khiển (45 tiết); Ghi chú: Đây là 02 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNDH, nếu không có phải học bổ sung.
17.	QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO (8810301)	- Giáo dục thể chất; - Huấn luyện thể thao; - Quản lý thể thao; - Y sinh học thể thao; - Truyền thông thể thao; - Thể thao giải trí; - Sự phạm thể dục thể thao;	- Bảo chí; Truyền thông; Quảng cáo; - Quan hệ công chúng. - Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kế toán; - Xã hội học; - Quan hệ quốc tế; - Ngôn ngữ Anh... – Yêu cầu : 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý thể thao và sự kiện	

18.	BẢO HỘ LAO ĐỘNG (8900103)	- Bảo hộ lao động; - An toàn sức khỏe nghề nghiệp; - An toàn vệ sinh lao động; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Bảo hộ lao động của Trường đại học Tôn Đức Thắng dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm I: - Khoa học môi trường; - Quản lý môi trường; - Công nghệ kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật môi trường; - Cấp thoát nước và môi trường nước; - Kỹ thuật hóa học; - Công nghệ sinh học; - Kỹ thuật công trình xây dựng; Xây dựng dân dụng công nghiệp; Cầu đường; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; - Điện - Điện tử; Điện tử - Viễn thông; Cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa; Cơ điện lạnh; - Cơ khí chế tạo máy; Cơ khí động lực; - Quan hệ lao động; - Kỹ thuật Hóa dầu; - Kỹ thuật Dệt - May; - Kỹ thuật Luyện kim; - Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu; - Kỹ thuật hạt nhân; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Bảo hộ lao động của Trường đại học Tôn Đức Thắng từ 10% - 40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Được xét học Chương trình bổ sung kiến thức ngay sau khi TNDH. Các học phần đã có trong bảng đại không phải học bổ sung. Đối tượng có bằng TNDH thuộc nhóm 1, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển) trong lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động; Bảo hộ lao động, hoặc có chứng chỉ HSE (do Trường đại học Tôn Đức Thắng cấp) được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà không phải học chương trình bổ sung kiến thức.
-----	---	---	--

			<u>Nhóm 2:</u> Đối tượng có bằng TNĐH không thuộc nhóm 1, đang công tác tại các cơ quan, đơn vị có chuyên môn trong lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động; Bảo hộ lao động, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm (tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển): – Có chứng chỉ HSE (do Trường đại học Tôn Đức Thắng cấp), được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà không phải học chương trình bổ sung kiến thức. – Không có chứng chỉ HSE HSE (do Trường đại học Tôn Đức Thắng cấp), được xét nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, phải học chương trình bổ sung kiến thức.	
--	--	--	--	--